TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 4 - 2023
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tua

2. Bà Trần Thị Bé Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2022 về "tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh H (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Bà với ông Lê Thanh T tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn không giải quyết được do bất đồng quan điểm sống, sự khác biệt về sở thích nên tình cảm vợ chồng không còn. Mặc dù được hai bên gia đình hòa giải, vợ chồng cũng cố gắng hàn gắn tình cảm

nhưng không thành. Nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Thanh T.

Về con chung: Bà với ông Lê Thanh T có hai người con chung là Lê Thục H, sinh ngày 15/01/1998 và Lê Huỳnh N, sinh ngày 15/07/2003. Cả hai người con chung đều đã thành niên, có khả tự lao động nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung không có.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định nhưng bị đơn ông Lê Thanh T đều vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất đều không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn. Bị đơn có địa chỉ tại Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp "Tranh chấp về ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Đối với bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đối với nguyên đơn có yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Vào ngày 29/8/2003, giữa nguyên đơn với bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân (đăng ký kết hôn) nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và năm 2014 để giải quyết tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T với bị đơn ông Lê Thanh T đăng ký kết hôn vào ngày 29/8/2003, tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh C (nay là thị xã M, tỉnh H). Thời điểm ông bà đăng ký kết hôn, thì ông bà đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia

đình năm 2000 nên hôn nhân giữa ông bà được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên ông bà không thể tiếp tục chung sống với nhau. Bà Lê Thị Thanh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với ông Lê Thanh T; về phía bị đơn ông Lê Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay là một thời gian dài, các bên không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để xây dựng hạnh phúc gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thanh T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Bà Lê Thị Thanh T với ông Lê Thanh T có hai người con chung là Lê Thục H, sinh ngày 15/01/1998 và Lê Huỳnh N, sinh ngày 15/07/2003. Cả hai người con chung đều đã thành niên, có khả tự lao động nuôi sống bản thân, nguyên đơn không có yêu cầu giải quyết về con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết về con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, về nợ chung không có; phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, về tài sản chung chưa xem xét, về nợ chung không có.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, Điều 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 11, 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 57, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị Thanh T với ông Lê Thanh T được ly hôn.

Về con chung đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về nợ chung không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003032, ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí, nguyên đơn không phải nộp thêm.

Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Cổng TTĐTTANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Quyền Trân